

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2023/DS-ST

Ngày: 02/8/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Kia.
- Ông Trịnh Duy Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A: Ông Lê Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2022/TLST-DS ngày 24/10/2022 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2023/QĐXXST-DS ngày ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Q, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- **Bị đơn:** Chị Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 1, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Q trình bày:

Bà Phạm Thị Mỹ L là em chồng tôi. Vào ngày 21/8/2021 cần tiền để làm ăn, nên bà L có đến mượn của vợ chồng tôi số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), tuy nhiên vợ chồng tôi không có tiền nên tôi đã đứng ra giới thiệu qua mượn chị Lương Thị T (trú tại Thôn 3, xã H, huyện Đak Pơ, Gia Lai) số tiền trên và hứa sẽ trả đủ số tiền trên vào ngày 21/8/2022. Tuy nhiên đến ngày 03/3/2022, chị Lương Thị T cần tiền nên đã đến đòi, vợ chồng tôi thấy vợ chồng em mình khó khăn, chưa có tiền trả nên đã trả số tiền 50.000.000đ trên cho chị Thủy trước, rồi vợ chồng tôi sẽ lấy tiền 50.000.000đ của vợ chồng Phạm Thị Mỹ L sau. Tuy nhiên, đến ngày thực hiện việc trả tiền gốc, Phạm Thị Mỹ L không chịu trả số tiền trên mà còn thách thức vợ chồng tôi kiện ra pháp luật. Chồng tôi hiện bị bệnh rất nặng, gia đình tôi khó khăn. Do vậy nên tôi khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Mỹ L phải trả

cho tôi số tiền 50.000.000đ đã vay mượn. Ngoài ra bà Q không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L trình bày:

Ngày 28/6/2020 tôi có vay tiền của chị Lê Thị Q ở Thôn 2, xã H, huyện Đak Pơ với số tiền 50.000.000đ, khi vay 2 bên thỏa thuận tiền lãi của 1 tháng là 2.500.000đ, từ tháng 8/2020 chị Quý yêu cầu tăng thêm 500.000đ/1tháng, tương ứng tiền lãi 1 tháng là 3.000.000đ. Tôi trả lãi đầy đủ từ tháng 7/2020 đến tháng 5/2022 thì không trả nổi nữa, hiện theo giấy mượn tiền tôi vẫn nợ tiền gốc 50.000.000đ.

Tổng số tiền tôi chuyển khoản vào tài khoản chị Quý là 42.500.000đ, tổng số tiền tôi đưa tiền mặt 16.000.000đ và nhờ chị Huyền trả cho chị Quý là 8.500.000đ. Tổng số tiền tôi đã trả chị Quý là 67.000.000đ.

Tôi có mượn tiền chị Quý nhưng là giấy mượn tiền khác chứ không phải giấy chị Quý đã nộp cho Tòa án, chị Quý đang giữ giấy đó. Giấy mượn tiền chị Quý nộp cho Tòa không phải là giấy tôi mượn tiền chị Quý, tôi không có mượn tiền bà Thủy, ông Thừa nào cả. Tôi không đồng ý trả nợ theo giấy mượn tiền mà chị Quý giao nộp.

Người làm chứng bà Lương Thị T (bút lục 99) khai: bà không biết bà L là ai, giữa vợ chồng bà với bà L không có quan hệ vay mượn gì; bà không ủy quyền khởi kiện hay chuyển giao quyền yêu cầu gì cho bà Q khởi kiện bà L cả. Từ năm 2020 bà chỉ chuyển tiền dùm bà Q 50.000.000đ cho bà L vì bà làm dịch vụ chuyển tiền qua ngân hàng có thu phí; bà không yêu cầu khởi kiện gì bà L và cũng từ chối tham gia tố tụng.

Anh Phạm Văn Hiệp tại bản tự khai (bút lục số 33) có trình bày: Trong khoảng thời gian gần hết tháng 8/2021 tôi Phạm Văn Hiệp có viết dùm một tờ giấy vay tiền cho chị Phạm Thị Mỹ L ở tổ 1, phường S, vay của chị Lê Thị Q ở xã H, Đak Pơ, với số tiền là 50.000.000đ theo yêu cầu của chị Quý tôi đã đứng ra ghi giấy và làm chứng dùm là có mượn tiền và ghi xong có chị Liên ký tên và má của tôi cũng có ký trong giấy, còn giấy trong hồ sơ nộp trên Tòa (do chị Quý nộp) là không phải giấy do tôi viết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm trong đó đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc buộc bị đơn chị Liên phải trả khoản tiền 50.000.000đ theo giấy mượn tiền đề ngày 21/8/2021 mà nguyên đơn giao nộp.

Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua nghe lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến tranh luận của các đương sự và kết luận đề xuất hướng giải quyết của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Quý yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị Mỹ L, địa chỉ: Tổ 1, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả lại tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Về pháp luật áp dụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ mà hai bên xác lập từ ngày 21/8/2021, thời điểm này Bộ luật dân sự (BLDS) 2015 đang có hiệu lực pháp luật, nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà Q yêu cầu chị Liên phải trả cho bà Q số tiền vay là 50.000.000đ theo “Giấy mượn tiền lãi suất thấp” đề ngày 21/8/2021. (Bút lục 30).

Tuy nhiên chị Liên không thừa nhận có nợ bà Q theo chứng cứ mà bà Q cung cấp có trong hồ sơ này. Chị Liên cho rằng thời điểm chị Liên vay tháng 6/2020, khi vay không viết giấy vay tiền, sau đó bà Q yêu cầu chị Liên viết giấy mượn tiền và anh Hiệp (em chồng bà Q và là em ruột chị Liên) có viết dùm cho bà Q một giấy mượn tiền, chị Liên ký vào bên người mượn cùng bà Viện (là mẹ ruột của chị Liên và mẹ chồng của bà Q) cùng ký vào giấy đó. Giấy nợ đó bà Q giữ, nhưng không giao nộp cho Tòa án. Chị Liên không thừa nhận giấy mượn tiền mà bà Q giao nộp là khoản nợ mà chị Liên nợ bà Q. Nên không đồng ý trả theo giấy mượn tiền này.

Xét chứng cứ là giấy mượn tiền do bà Q giao nộp (bút lục 30) thì thấy rằng: nội dung giấy này thể hiện: **“Tôi tên: Phạm Thị Mỹ L, sinh năm: 1980, chỗ ở hiện nay: 257/42 Đ, Tổ 1, phường S, thị xã A, tỉnh Gia Lai, số giấy chứng minh: 230529501 tôi có mượn của bà (vc Thủy, Thừa) số tiền 50.000.000đ năm mười triệu đồng y hiện ở thôn 3, H (Đak Pơ vào ngày 28AL đóng lãi, gốc hẹn 12 tháng trả gốc; nếu sai sót, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm A ngày 21/8/2021 Người mượn tiền ký và ghi tên Phạm Thị Mỹ L; người có quan hệ gia đình ký và ghi tên V”**.

Trong giấy mượn tiền nêu trên, không có nội dung nào thể hiện chị Liên mượn (vay) tiền bà Q như bà Q khởi kiện.

Theo bà Q khai: Bà L hỏi mượn tiền vợ chồng bà nhưng vợ chồng bà không có, mới giới thiệu bà L qua mượn của bà Lương Thị T (vợ chồng Thủy, Thừa), sau đó vợ chồng bà Thủy có đòi vợ chồng bà khoản nợ này, bà đã trả cho bà Thủy nên nay bà đòi lại bà L khoản nợ này, bà Q chỉ có 01 giấy nợ này không còn giữ giấy nợ nào khác.

Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai (bút lục số 99) bà Thủy khai: Bà không biết bà L là ai, giữa vợ chồng bà với bà L không có quan hệ vay mượn gì; bà không ủy quyền khởi kiện hay chuyển giao quyền yêu cầu gì cho bà Q khởi kiện bà L cả. Từ năm 2020 bà chỉ chuyển tiền dùm bà Q 50.000.000đ cho bà L vì bà làm dịch vụ chuyển tiền qua ngân hàng có thu phí; bà không yêu cầu khởi kiện gì bà L và cũng từ chối tham gia tố tụng.

Anh Phạm Văn Hiệp tại bản tự khai (bút lục số 33) có trình bày: Trong khoảng thời gian gần hết tháng 8/2021 tôi Phạm Văn Hiệp có viết dùm một tờ giấy vay tiền cho chị Phạm Thị Mỹ L ở Tổ 1, phường S, vay của chị Lê Thị Q ở xã H, Đak Pơ, với số tiền là 50.000.000đ theo yêu cầu của chị Quý tôi đã đứng ra ghi giấy và làm chứng dùm là có mượn tiền và ghi xong có chị Liên ký tên và má của tôi cũng có ký trong giấy, còn giấy trong hồ sơ nộp trên Tòa (do chị Quý nộp) là không phải giấy do tôi viết.

Như vậy việc chị Liên có vay (mượn) chị Quý 50.000.000đ vào năm 2020 là có thật vì đã được bà L và chị Quý thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 13/12/2022 (bút lục số 39). Chị Liên còn xuất trình chứng cứ là các lần chuyển khoản trả lãi ngân hàng cho bà Q. Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2023, bà Q đã thừa nhận chị Liên có chuyển khoản trả lãi cho bà Q qua tài khoản Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Đak Pơ - Đông Gia Lai (bút lục 90), nhưng bà Q cho rằng việc chuyển khoản đó là chuyển khoản để trả lãi cho khoản vay 50.000.000đ khác, mà bà Q chưa khởi kiện, chứ không phải trả lãi cho khoản vay này. Nên đây là điều không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

[4]. Trong vụ án này bà Q khởi kiện yêu cầu chị Liên phải trả cho bà Q số tiền vay là 50.000.000đ theo “Giấy mượn tiền lãi suất thấp” đề ngày 21/8/2021, nhưng nội dung giấy mượn tiền này không thể hiện được chị Liên vay chị Quý mà là chị Liên vay vợ chồng Thủy, Thừa; chị Quý không xuất trình chứng cứ khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh vợ chồng Thủy, Thừa có ủy quyền khởi kiện hoặc chuyển giao quyền yêu cầu cho chị Quý hợp pháp theo điều 365 Bộ luật dân sự 2015.

Do vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Q.

Đối với khoản tiền 50.000.000đ mà chị Liên thừa nhận có vay (mượn) chị Quý vào năm 2020 và đã chuyển khoản trả lãi là 67.000.000đ; bà Q thừa nhận chị Liên còn nợ khoản vay khác với số tiền 50.000.000đ, việc chuyển khoản trả lãi là trả cho khoản vay đó; bà Q cho biết không khởi kiện đối với khoản vay mà chị Liên thừa nhận vay vào năm 2020 trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Tranh chấp về tiền gốc, tiền lãi vay giữa chị Quý, chị Liên (nếu có) đối với khoản tiền 50.000.000đ mà chị Liên thừa nhận đã vay của chị Quý vào năm 2020 nêu trên, các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Quý phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn chị Liên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 275, 365, 463, 466 BLDS 2015; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Q về việc yêu cầu Tòa buộc chị Phạm Thị Mỹ L phải trả khoản tiền vay là 50.000.000đ theo “Giấy mượn tiền lãi suất thấp” đề ngày 21/8/2021.

2. *Về án phí:* Buộc bà Lê Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền 1.250.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011932 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị Quý phải nộp 1.250.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án (02/8/2023), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Long Sơn